

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô,
xe mô tô, phương tiện thủy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 140/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2).

Điều 2. Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy như sau:

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng trong các trường hợp không xác định được giá trị thực tế chuyển nhượng hoặc kê khai giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp giá thực tế chuyển nhượng kê khai cao hơn giá trong Bảng giá nêu tại Điều 1 Quyết định này thì tính theo giá kê khai.

2. Đối với các loại xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy mua từ nguồn thanh lý, đấu giá của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thì giá tính lệ phí trước bạ là giá mua thanh lý, giá trúng đấu giá ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp.

3. Đối với các loại xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy chưa có trong Bảng giá nêu tại Điều 1 Quyết định này thì áp dụng theo giá ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp của người bán, thông báo giá của nhà sản xuất (nếu hóa đơn bán hàng hợp pháp của người bán có giá thấp hơn thông báo giá của nhà sản xuất thì áp dụng giá của nhà sản xuất).

4. Đối với các loại xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy nhập khẩu mà tại thời điểm đăng ký trước bạ không có trong Bảng giá nêu tại Điều 1 Quyết định này thì giá tính lệ phí trước bạ được xác định bằng (=) giá nhập khẩu (theo giá tính thuế nhập khẩu mà cơ quan Hải quan đã xác định) tại cửa khẩu (CIF), cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng theo chế độ quy định đối với loại tài sản tương ứng.

5. Đối với tài sản đã qua sử dụng thì giá tính lệ phí trước bạ là giá tài sản mới nhân (x) với tỷ lệ (%) giá trị sử dụng còn lại của tài sản. Giá tài sản mới xác định theo Bảng giá quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Tỷ lệ (%) giá trị sử dụng còn lại của tài sản nộp lệ phí trước bạ được quy định như sau:

- Thời gian sử dụng 01 năm: 85%.
- Thời gian sử dụng trên 01 đến 03 năm: 70%.
- Thời gian sử dụng trên 03 đến 06 năm: 50%.
- Thời gian sử dụng trên 06 đến 10 năm: 30%.
- Thời gian sử dụng trên 10 năm: 20%.

Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 140/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Công văn số 454/UBND-KTTH ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giá tính lệ phí trước bạ, Công văn số 671/UBND-KTTH ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, Công văn số 736/UBND-KTTH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giá tính lệ phí trước bạ đối với các loại xe, Công văn số 266/UBND-KTTH ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giá tính lệ phí trước bạ đối với các loại xe.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh tài sản đăng ký nộp lệ phí trước bạ chưa được quy định hoặc có quy định trong Bảng giá nêu tại Điều 1 Quyết định này, nhưng mức giá không còn phù hợp thì cơ quan thuế có ý kiến đề xuất

gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính lệ phí trước bạ cho phù hợp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Châu Hồng Phúc